

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP
ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 03/12/2018 của Tỉnh ủy về Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XV; Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI tại kỳ họp thứ 7 về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 15/TTr-SKHĐT ngày 18/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành, doanh nghiệp thuộc tỉnh; chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- VP Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: KH và ĐT, Tài chính (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- TT. UB MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các tổ chức Hội, Đoàn thể;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Website tỉnh; Báo GL, Đài PTTH;
- Lưu: VT, CV các khối, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành

Gia Lai, ngày 21 tháng 01 năm 2019

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về
nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh
tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 21/01/2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)*

Năm 2018, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng được sự quan tâm của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương; sự chỉ đạo của Tỉnh ủy; sự giám sát của HĐND tỉnh; sự phối hợp của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể; sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, nhân dân và các doanh nghiệp trong toàn tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 chuyển biến tích cực; hoàn thành 19/20 chỉ tiêu chủ yếu năm 2018, trong đó có 11 chỉ tiêu vượt kế hoạch Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra; tăng trưởng GRDP đạt 8%, thu ngân sách nhà nước đạt trên 4.500 tỷ đồng. Tình hình kêu gọi đầu tư có nhiều khởi sắc; số doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Công tác an sinh xã hội được đảm bảo; các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, thông tin truyền thông, lao động việc làm, khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển. Công tác đối ngoại được tăng cường. Các vấn đề bức xúc xã hội được quan tâm giải quyết. An ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Kết quả này tạo không khí phấn khởi trong toàn xã hội, củng cố niềm tin và khát vọng của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

**I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH NĂM 2019, PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG
VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH**

Năm 2019 là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020. Bên cạnh những thuận lợi, cũng còn không ít khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng quyết liệt; giá cả một số mặt hàng nông sản ở mức thấp, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế; còn xảy ra một số vụ phá rừng, khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, chống người thi hành công vụ nổi cộm ở một số địa phương. Công tác quản lý theo quy hoạch, quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường còn bất cập. Một số dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước triển khai chậm, giải ngân vốn chưa đạt yêu cầu. Một số dự án kêu gọi đầu tư chậm hoàn thành thủ tục. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh chưa được như mong muốn. Trách nhiệm của một số người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chưa cao, công tác phối hợp chưa tốt. Một bộ phận cán bộ, công chức vẫn chưa tận tâm phục vụ, cần được chấn chỉnh kịp thời. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn yếu tố phức tạp, nhất là tình hình móc nối phục hồi hoạt động FULRO, "Tin lành Đê Ga", vượt biên. Tội phạm sử dụng vũ khí, vật liệu nổ gây án tăng, ngày càng manh động, nguy hiểm; hoạt động mang yếu tố "tín dụng đen", đòi nợ thuê, an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn

Mục tiêu tổng quát kế hoạch năm 2019 là tiếp tục ổn định và phát triển kinh tế, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của kinh tế tỉnh. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tạo chuyển biến thực chất hơn trong việc thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại kinh tế tỉnh gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến và tận dụng có hiệu quả cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chú trọng phát triển y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; quyết liệt phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Cùng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Năm 2019, UBND tỉnh phân đầu hoàn thành toàn diện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra (tại phụ lục 1 ban hành theo Quyết định này) và thực hiện các nhiệm vụ được giao (tại phụ lục 2 ban hành theo Quyết định này). Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ trên các lĩnh vực, với chủ đề của năm 2019 là ***“Siết chặt kỷ cương hành chính, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao chất lượng tham mưu, phối hợp của các cấp, các ngành”***, với 4 trọng tâm chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh là:

1. Tập trung nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của kinh tế tỉnh; thực hiện cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; ứng dụng có hiệu quả cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Xây dựng bộ máy kỷ cương, liêm chính, hành động, phục vụ, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, công vụ, tạo động lực và áp lực trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Chú trọng cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy biên chế tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới, tăng cường hiệu quả hoạt động tư pháp.

3. Phát triển hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Cùng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc vùng biên giới; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

4. Chủ động, tích cực tham gia chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội lần thứ XV của Tỉnh Đảng bộ. Tập trung đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2019

1. Tăng cường ổn định và phát triển kinh tế, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn.

1.1. Mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn chất lượng tín dụng. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên cho vay đầu tư phát triển các lĩnh vực sản xuất, phát triển nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, cho vay các dự án đã ký kết đầu tư tại các Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Gia Lai năm 2018 và các dự án đầu tư vào tỉnh,... Bên cạnh việc tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, cần rà soát đánh giá từng khoản nợ xấu để có biện pháp xử lý phù hợp.

- Tăng cường quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng, chỉ đạo các ngân hàng thương mại tiết kiệm chi phí, giảm lãi suất, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển; bảo đảm tuyệt đối an toàn hệ thống; quản lý, theo dõi và xử lý nghiêm các hoạt động kinh doanh vàng, thu đổi ngoại tệ trái pháp luật; có giải pháp tín dụng phù hợp đáp ứng nhu cầu hợp pháp của người dân, góp phần hạn chế tín dụng đen.

- Tập trung xử lý có hiệu quả các tổ chức tín dụng yếu kém và nợ xấu theo nguyên tắc thị trường, không hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, áp dụng công nghệ mới, giải pháp đổi mới sáng tạo vào lĩnh vực ngân hàng.

1.2. Tổ chức điều hành thu, chi ngân sách nhà nước chủ động, chặt chẽ. Thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà nước, siết chặt kỷ luật, tài chính - ngân sách nhà nước, chấp hành dự toán đúng quy định của pháp luật. Tăng cường công tác kiểm soát chi, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra và công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài sản công, giám sát chặt chẽ việc vay, sử dụng vốn vay, trả nợ; không sử dụng vốn vay cho chi thường xuyên. Phân đầu năm 2019 thu ngân sách đạt 5.000 tỷ trở lên. Mở rộng áp dụng hóa đơn điện tử; chống thất thu, chuyển giá, trốn lậu thuế; giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5%. Điều hành chi ngân sách theo dự toán được giao; phân đầu năm tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển khoảng 27-27,5%⁽¹⁾, tỷ trọng chi thường xuyên xuống 63-63,5% trong tổng chi ngân sách nhà nước. Tiết kiệm xuyên suốt từ khâu phân bổ dự toán cho đến quá trình thực hiện. Tiết kiệm chi thường xuyên, không bố trí kinh phí cho nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp thiết; thực hiện mua sắm máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công; tiết kiệm tối đa chi phí tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài... Cân đối nguồn lực để thực hiện đúng lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội.

- Đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, nộp thuế kịp thời vào ngân sách nhà nước, thực hiện miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế kịp thời, đúng chế độ nhằm hỗ trợ cho người nộp thuế tái đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về thuế.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thuế; thực hiện cắt giảm thủ tục hành chính và kê khai qua mạng, kê khai điện tử, nộp thuế điện tử, hóa đơn điện tử.

¹ Bao gồm chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu, nguồn tăng thu sử dụng đất và nguồn dự phòng

1.3. Thực hiện tốt Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

1.4. Triển khai các giải pháp đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng tỷ trọng xuất khẩu qua chế biến đối với các mặt hàng chủ lực của tỉnh, gắn với xây dựng thương hiệu. Khuyến khích tiêu thụ sản phẩm nội địa, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa, thực hiện giao thương thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, nhất là sản phẩm có thế mạnh của tỉnh. Đảm bảo cân đối xuất, nhập khẩu, phấn đấu tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2019 đạt 500 triệu USD, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 68.300 tỷ đồng.

1.5. Bám sát diễn biến tình hình, điều hành hiệu quả để đảm bảo các cân đối lớn về kinh tế của tỉnh; không để xảy ra tình trạng thiếu điện cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

1.6. Củng cố hệ thống thông tin, báo cáo; nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, dự báo phục vụ, quản lý, điều hành; tổ chức tốt tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, kịp thời ứng phó có hiệu quả các biến động trên thị trường trong và ngoài nước.

2. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các đột phá chiến lược và đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh.

2.1. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các đột phá chiến lược.

- Tập trung rà soát, hoàn thiện các chính sách tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển thị trường tài chính, bất động sản, lao động và khoa học công nghệ, du lịch. Phát triển mạnh doanh nghiệp khoa học công nghệ và thị trường khoa học công nghệ, đẩy mạnh bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Hoàn thành các thủ tục đầu tư, triển khai giải phóng mặt bằng nhằm triển khai thi công, sớm hoàn thành, đưa vào sử dụng các dự án thủy lợi, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường như: Dự án đầu tư hồ chứa nước Plei Thơ Ga, Hồ chứa nước Tàu Dầu 2, thủy lợi Ia Rtô,... và các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đô thị hóa.

- Gắn kết chặt chẽ phát triển giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, phù hợp với thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển; đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp tinh gọn, hiệu quả; đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp học sinh. Thúc đẩy chuyển dịch lao động, phân bổ hợp lý lao động. Triển khai thực hiện chính sách việc làm công, hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp; đào tạo lại cho công nhân và đào tạo gắn với giải quyết việc làm có thu nhập cho lao động nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số. Mở rộng thị trường lao động ngoài nước, chú trọng thị trường có thu nhập cao. Phấn đấu

2.2. Tập trung triển khai Luật Quy hoạch; khẩn trương triển khai xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021-2030.

2.3. Quản lý giám sát chặt chẽ đầu tư công, tránh thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước, nhất là quản lý chặt chẽ về suất đầu tư các công trình xây dựng cơ bản. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, áp dụng rộng rãi đấu thầu qua mạng, bảo đảm công khai, minh bạch. Đối với các dự án khởi công mới năm 2019 phải hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, dự toán, thiết kế để khởi công ngay từ đầu năm 2019. Tăng cường quản lý và đề xuất các giải pháp đẩy nhanh công tác giải ngân có hiệu quả vốn đầu tư công, nhất là các dự án quan trọng, có sức lan tỏa và kết nối phát triển; các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tranh thủ sự giúp đỡ của các bộ, ngành trung ương để vận động tài trợ vốn ODA và các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển cho tỉnh, quản lý, giám sát chặt chẽ công tác đầu tư công. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, quản lý thống nhất, bảo đảm các dự án đầu tư phải đúng theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Triển khai các giải pháp huy động các nguồn lực để đầu tư, phấn đấu tổng mức đầu tư toàn xã hội năm 2019 đạt 26.000 tỷ đồng, tỷ trọng chiếm 35% GRDP.

2.4. Quyết liệt đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, dựa vào đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tăng năng suất lao động. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; chú trọng bảo hộ sở hữu trí tuệ. Triển khai tích cực đề án thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng cường huy động và khai thác nguồn lực đầu tư từ xã hội cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ; thí điểm các mô hình kinh doanh mới. Thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020.

2.5. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, cơ cấu lại các chương trình khoa học và công nghệ theo hướng coi doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo. Phát huy các nguồn lực xã hội cho nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển giao công nghệ. Hỗ trợ, liên kết với cộng đồng khởi nghiệp trong khu vực và quốc tế, đưa khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo khởi nghiệp trở thành một đột phá cho đổi mới mô hình tăng trưởng. triển khai hiệu quả Đề án “Phát triển hệ tri thức Việt số hóa”. Phát triển kinh tế số; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, môi trường, đô thị thông minh,...

2.6. Thực hiện cơ cấu lại ngành, lĩnh vực với phát triển khoa học và công nghệ theo hướng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Cụ thể hóa các chính sách để triển khai thực hiện các Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nghị định số 58/2018/NĐ-CP, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ,... Triển khai các kế hoạch, chương trình hành động để tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lại ngành nông nghiệp một cách có hiệu quả nhất. Tăng cường thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tạo chuyển biến tích cực trong phát triển liên kết kết nối giữa sản xuất - chế biến - kinh doanh. Áp

dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến. Xây dựng các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện sản xuất từng vùng, từng địa phương. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ giới hóa nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển cánh đồng lớn, tiếp tục thực hiện tái canh cây cà phê, tưới tiết kiệm nước, chuyển đổi cơ cấu cây trồng... Xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh. Tập trung thực hiện công tác quản lý giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng nông sản.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; thực hiện các mô hình liên kết sản xuất chăn nuôi có hiệu quả gắn với tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với hợp tác xã, doanh nghiệp để nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi. Theo dõi, nắm chắc tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và chủ động triển khai kịp thời công tác phòng, chống dịch.

- Kiểm soát chặt chẽ các dự án có khả năng ảnh hưởng đến rừng, đất rừng. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, đơn vị chủ rừng. Tập trung triển khai kế hoạch trồng rừng năm 2019 và chăm sóc rừng đã trồng; tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng; vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng. Phấn đấu diện tích trồng rừng trong năm 2019 đạt 5.015 ha.

- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Xây dựng lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới cho các xã đăng ký, phấn đấu có 71 xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019. Huy động toàn bộ hệ thống chính trị, nâng cao vai trò của các thành viên Ban chỉ đạo các cấp, phối hợp triển khai tốt kế hoạch quân đội tham gia xây dựng nông thôn mới. Tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực, triển khai các giải pháp then chốt, đảm bảo có hiệu quả, phù hợp với điều kiện địa phương để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số; tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chí đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (nhất là hồ tiêu, cà phê, mía,...) theo chuỗi giá trị gắn với phát triển hợp tác xã. Vận dụng, triển khai phù hợp với tình hình thực tế các mô hình: “khu dân cư kiểu mẫu”, “vườn mẫu”. Tập trung các nguồn lực hỗ trợ cho huyện Kbang đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Triển khai đề án phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp, tập trung thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản, công nghiệp điện năng lượng mặt trời, điện sinh khối. Tạo chuỗi giá trị kinh tế cao, tăng giá trị gia tăng trong từng sản phẩm, từng ngành công nghiệp; chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ công nghiệp chế biến và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo nguồn nguyên liệu để các nhà máy chế biến hoạt động ổn định và phát huy công suất thiết kế. Tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ đầu tư, nâng cấp, sớm đưa các nhà máy mới đi vào hoạt động.

- Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Nam Pleiku và sớm đầu tư các dự án vào Khu công nghiệp; quy hoạch Khu công nghiệp phía Đông nhằm thu hút đầu tư. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp đã được quy hoạch. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư các cơ sở chế biến quy mô lớn, có thiết bị, công nghệ tiên tiến tại khu kinh tế cửa khẩu, các khu, cụm công nghiệp.

- Cải thiện căn bản, tạo chuyển biến mạnh mẽ các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh. Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh, Quyết định số 400a/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ; tạo mọi thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Xây dựng Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư năm 2019, trong đó có việc đề xuất thành lập tổ công tác xúc tiến đầu tư tại các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc sử dụng các phần mềm phục vụ cải cách hành chính, phục vụ xây dựng chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh; đồng thời tham mưu UBND tỉnh đầu tư, nâng cấp, chỉnh sửa, các phần mềm phục vụ cải cách hành chính, phục vụ xây dựng chính quyền điện tử; tăng cường công tác tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Chú trọng phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp hình thành, phát triển, có năng lực cạnh tranh trên thương trường trong nước và quốc tế; tham gia vào chuỗi giá trị và các mạng phân phối; hình thành được các sản phẩm, thương hiệu có sức lan tỏa. Phần đầu trong năm 2019 có trên 900 doanh nghiệp thành lập mới.

- Thực hiện tốt Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh về tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012. Xúc tiến thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Quan tâm, tạo điều kiện để các hợp tác xã trong việc tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhất là vay vốn, đào tạo, đầu tư hạ tầng, thay đổi mô hình hoạt động, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng hoạt động, gắn với chuỗi giá trị; chú trọng việc phát triển HTX tại các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, các mô hình hợp tác xã nông nghiệp gắn với du lịch, cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cánh đồng lớn. Thực hiện tốt chương trình phối hợp với Trường cán bộ quản lý nông nghiệp phát triển nông thôn II - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát triển hợp tác xã; chương trình đưa trí thức trẻ vào làm việc ở các hợp tác xã.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại, công

đẩy mạnh quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch, phát triển mạnh du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng. Tăng cường xúc tiến du lịch, hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương như: Biển Hồ - Chư Đăng Ya, Tây Sơn Thượng đạo, Thủy điện Ia Ly, Căn cứ địa cách mạng Khu 10 - Kbang; xây dựng một số điểm du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch sinh thái. Tiếp tục triển khai các nội dung hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các nước bạn trong khu vực. Thực hiện các chuyên mục quảng bá du lịch Gia Lai trên một số phương tiện thông tin đại chúng, nâng cấp nội dung quảng bá du lịch trên website; quy định chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng.

3. Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

3.1. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 1781/KH-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình số 61-CTr/TU ngày 07/5/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng; chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Phát triển và mở rộng dịch vụ, kỹ thuật y tế tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng. Tiếp tục triển khai tốt các nội dung hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở kế hoạch đã ký kết với các đơn vị y tế của thành phố về hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử trong bệnh viện, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ cho khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra. Nâng cao khả năng quản lý và xử lý chất thải y tế. Tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm. ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong quản lý quỹ bảo hiểm y tế; hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân; giảm tỷ trọng chi trực tiếp từ tiền túi của người dân, hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân; thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công tư trong y tế, tạo điều kiện để y tế tư nhân phát triển mạnh mẽ.

- Thực hiện hiệu quả đấu thầu thuốc tập trung; chống lạm dụng, trục lợi quỹ bảo hiểm y tế; tăng cường công tác thanh, kiểm tra hoạt động khám chữa bệnh, bảo đảm an toàn trong cơ sở khám chữa bệnh.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ kỹ thuật gắn với nâng cao chất lượng theo bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện; thực hiện giá viện phí mới phải gắn với nâng cao chất lượng phục vụ; nâng cao chất lượng dịch vụ kỹ thuật y tế chuyên khoa sâu. Chỉ đạo các bệnh viện tuyến tỉnh chủ động tích cực chuyển giao các kỹ thuật cao cho bệnh viện tuyến dưới để nâng cao chất lượng điều trị. Tăng cường kiểm tra, thanh tra hoạt động kinh doanh dược phẩm và thực phẩm chức năng; quản lý phòng khám tư nhân, thuốc; phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo an ninh, an toàn tại các cơ sở khám chữa bệnh.

3.2. Tiếp tục rà soát, giải quyết hiệu quả chính sách hỗ trợ đối với người có công với cách mạng bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm những sai phạm, tiêu cực. Thực hiện hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời gian thụ hưởng nhằm khuyến khích, tạo điều kiện để người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực chủ động tham gia các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội.

xã hội cơ bản và có cơ hội phát triển sản xuất, kinh doanh. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhân rộng các mô hình hiệu quả, phấn đấu đến cuối năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 7,04% (Mức giảm tỷ lệ nghèo 3%). Chú trọng phát triển nhà ở cho công nhân, nhà ở cho người có thu nhập thấp; xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nhà ở cho cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh năm 2019. Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động, chú trọng tạo việc làm ổn định, cải thiện môi trường và điều kiện lao động. Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo gắn với giải quyết việc làm.

- Thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, dân tộc, bình đẳng giới; triển khai thực hiện đúng cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất, đời sống đối với đồng bào các dân tộc thiểu số. Quan tâm chăm lo đối với người cao tuổi, người khuyết tật,....

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội; chú trọng giảm nghèo đối với hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về giảm nghèo nhanh và bền vững, hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến 2025. Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư giảm nghèo. Thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; tăng cường lồng ghép nguồn lực của các Chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác ở địa phương để phát huy tối đa hiệu quả. Ưu tiên đầu tư nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững cho khu vực có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

3.3. Tăng cường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho giáo viên và học sinh, đặc biệt đối với học sinh bán trú ở vùng dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn. Tập trung nguồn lực cho công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tỷ lệ trường chuẩn quốc gia năm 2019. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án của ngành, thu hút các nguồn tài trợ, dự án vay vốn nước ngoài, nguồn huy động xã hội hóa để xây dựng phòng học, hồ bơi, công trình vệ sinh trường học và mua sắm trang thiết bị dạy học. Khắc phục và ngăn ngừa có hiệu quả tình trạng học sinh bỏ học, hiện tượng bạo lực học đường, phòng tránh tai nạn đuối nước, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên. Thực hiện hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục đào tạo cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non tại các khu công nghiệp, khu kinh tế quốc tế cửa khẩu Lệ Thanh. Phấn đấu tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 88,5%; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 42%.

3.4. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể; bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc thiểu số. Có chính sách huy động nguồn lực xã hội để đầu tư tôn tạo các di tích quốc gia. Nâng cao thiết chế văn hóa; thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Quản lý hiệu quả hoạt động tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông qua các phong trào học

tập toàn xã hội như thực hiện 50 năm Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh,... Phát triển thể dục thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp.

3.5. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em,... Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội; quan tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ.

4. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

4.1. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XI) về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai. Nâng cao hiệu quả sử dụng, khắc phục tình trạng lãng phí các nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Xây dựng cơ sở dữ liệu, theo dõi, giám sát chặt chẽ, có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Nâng cao khả năng tiếp cận đất đai và hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai, khắc phục tình trạng chồng chéo. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm các sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đai tại những địa phương có nhiều khiếu kiện về đất đai. Kiểm soát chặt chẽ việc cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, nhất là đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Thực hiện nghiêm việc giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Tiếp tục tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai ở các công ty nông, lâm nghiệp. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 5374/KH-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; ngăn chặn và xử lý triệt để tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, phòng, chống sạt lở bờ sông, suối, kè sông, kè suối biên giới ở những vị trí xung yếu. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ kịp thời cho người dân vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai để ổn định đời sống và khôi phục sản xuất.

4.2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn, đặc biệt là hiện tượng El Niño gây hạn hán; cải tiến công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường; sàng lọc, lựa chọn các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường. Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; nhân rộng các mô hình xử lý rác thải hiệu quả, bền vững.

- Kiểm soát chặt chẽ các dự án có ảnh hưởng đến rừng, đất rừng. Xử lý nghiêm các vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng bên cạnh việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu địa phương, đơn vị chủ rừng. Tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng; đảm bảo hoàn thành kế hoạch trồng mới 5.015 ha rừng trong năm 2019. Làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan để triển khai thực hiện chuyển đổi 7.500 ha rừng tự nhiên nghèo nằm trong vùng tưới thủy lợi Ia Mơr để xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

5. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực; xử lý nghiêm các vi phạm. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với các vụ án tham nhũng, thu hồi triệt để tài sản bị thất thoát; kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp; tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Phòng, chống tham nhũng. Nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng theo thẩm quyền pháp luật quy định; chấn chỉnh và khắc phục kịp thời những thiếu sót, hạn chế nhằm ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ tham nhũng, lãng phí.

- Triển khai thanh tra theo kế hoạch gắn với thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật về khiếu nại, tố cáo, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, dư luận có nhiều quan tâm, có nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo như: Đất đai, tài nguyên khoáng sản, các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan,...

6. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xây dựng, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; xây dựng Chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tiếp tục tập trung triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6, khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả, đổi mới phương thức, lề lối làm việc. Tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập...

- Đơn giản hóa, cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, coi đây là một khâu đột phá thúc đẩy tăng trưởng. Không để phát sinh điều kiện kinh doanh, sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành không cần thiết. Không lỏng

quy chuẩn kỹ thuật. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Lựa chọn thủ tục hành chính đáp ứng đủ điều kiện để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, bảo đảm thực hiện được mục tiêu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao. Thực hiện triệt để thuê dịch vụ thanh toán các khoản bảo hiểm xã hội.

- Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện và hiệu quả các nghị quyết, chương trình của Chính phủ, Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch duy trì, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020. Rà soát, củng cố, khắc phục những tồn tại, triển khai các giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu nâng cao thứ hạng chỉ số cải cách hành chính của tỉnh đồng thời cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động ở các lĩnh vực, tiêu chí tỉnh tự đánh giá và lĩnh vực, tiêu chí do Bộ Nội vụ thẩm định chưa đạt. Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức của tỉnh để nâng cao trình độ, năng lực cán bộ ngang tầm với nhiệm vụ.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý biên chế, thực hiện tinh giản biên chế đồng bộ với các giải pháp khác. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, đạo đức, năng lực, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao. Rà soát, chấn chỉnh ngay từ khâu tuyển dụng đến đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát năng lực, thái độ thực thi pháp luật, đánh giá thực chất đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ. Quản lý chặt chẽ số lượng biên chế công chức, biên chế sự nghiệp. Chấm dứt việc tự phê duyệt và giao biên chế vượt quá số đã được cấp có thẩm quyền giao; có kế hoạch và giải pháp để giải quyết dứt điểm số biên chế vượt quá số biên chế được giao. Các cơ quan, đơn vị chưa sử dụng hết số biên chế được giao phải xem xét, cắt giảm phù hợp.

- Tiếp tục duy trì, triển khai Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai đã được phê duyệt theo Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 29/12/2017, triển khai xây dựng Chính quyền điện tử theo Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 04/2/2016 của UBND tỉnh "về việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử" phục vụ cải cách hành chính như: hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông (đến cấp xã); Chữ ký số; hệ thống thông tin một cửa điện tử liên thông; cổng dịch vụ công trực tuyến; phần mềm theo dõi giao việc của UBND tỉnh; phần mềm đánh giá sự hài lòng của công dân, doanh nghiệp; các Cổng/Trang thông tin điện tử; tiếp tục phối hợp với ZALO để cung cấp thông tin cần thiết cho công dân, doanh nghiệp...

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Hệ thống thông tin một cửa điện tử đến cấp xã. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử gắn với việc tổ chức thực hiện Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung của tỉnh, nâng cấp, hoàn thiện, có biện pháp tăng cường hiệu quả sử dụng Cổng giao tiếp dịch vụ công của tỉnh, phần mềm đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức và người dân đối với thái độ phục vụ, kết quả xử lý công việc của cán bộ và cơ quan nhà

nước. Tăng cường triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

- Nhân rộng mô hình dịch vụ công hoạt động hiệu quả, cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhất là các dịch vụ công ở mức độ 3, mức độ 4.

7. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, cứu hộ, cứu nạn; thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục củng cố và xây dựng khu vực phòng thủ giữ vững nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân an ninh biên giới, nhất là tại các điểm nóng, các địa bàn trọng điểm vùng biên giới. Các lực lượng tăng cường bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình nội biên, ngoại biên, tuần tra, kiểm soát địa bàn, đấu tranh vô hiệu hóa mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, bọn phản động, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội. Tích cực vận động, tuyên truyền, đấu tranh, bóc gỡ các điểm nhóm phục hồi FULRO, “Tin lành Đegar“, xóa bỏ “Tà đạo Hà Môn“, các đường dây đưa người dân tộc thiểu số vượt biên. Tổ chức tốt kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ. Triển khai đề án “xây dựng, huấn luyện, hoạt động, đảm bảo chính sách cho dân quân tự vệ giai đoạn 2017 - 2020“.

- Thực hiện tốt “Phong trào tự quản đường biên, cột mốc và giữ gìn an ninh trật tự thôn, làng khu vực biên giới”. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông đến các cụm dân cư, đồn biên phòng dọc tuyến biên giới, nâng cao sức mạnh của các lực lượng trong khu vực phòng thủ. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống công trình phòng thủ trên các tuyến biên giới.

- Trình Chính phủ, Bộ Ngoại giao các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác cắm mốc, phân giới, giải quyết dứt điểm các điểm còn tồn đọng về phân giới, cắm mốc trên tuyến biên giới của tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; đề cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, trường học, gia đình trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Triển khai các giải pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm và chuyển hóa các địa bàn phức tạp về trật tự an toàn xã hội. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm theo từng chuyên đề, nhất là các băng nhóm, tội phạm đòi nợ thuê, tội phạm sử dụng vũ khí, vật liệu nổ gây án; tội phạm ma túy; tội phạm tham nhũng; buôn lậu, xâm phạm môi trường, tài nguyên rừng. Nâng cao chất lượng công tác điều tra án, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Triển khai quyết liệt các biện pháp để đấu tranh, ngăn chặn tội phạm ma túy, mua bán người, trẻ em.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, đoàn thể trong công tác đảm bảo an toàn giao thông. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện kế hoạch Năm an toàn giao thông 2019; phấn đấu đạt được mục tiêu, yêu cầu giảm từ 5 - 10% cả 03 tiêu chí về số vụ, số người chết và số người bị thương so với năm 2018.

- Huy động đồng bộ, tối đa lực lượng, tăng tần suất kiểm tra khép kín các tuyến, địa bàn trọng điểm, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự giao thông, nhất là xử lý xe chở hàng quá khổ, quá tải, chở quá số người quy định, vi phạm nồng độ cồn. Triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh, giao thông tại một số vị trí cần thiết trên địa bàn.

- Nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế, với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế. Chủ động kết nối với các tổ chức ngoại giao, tổ chức quốc tế; cung cấp,

ngoài vào tỉnh. Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị phi chính phủ nước ngoài.

- Duy trì mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị, hợp tác phát triển với các tỉnh Đông Bắc Campuchia và Hạ Lào; tăng cường công tác trao đổi thông tin, nắm bắt tình hình kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh trên tuyến biên giới; chủ động đối thoại về dân chủ, nhân quyền và tôn giáo; nắm bắt kịp thời, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý hoạt động của cá nhân, tổ chức, lao động nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả công tác người Việt Nam ở nước ngoài trên cơ sở Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2016 - 2020; tăng cường vận động, thu hút nguồn lực và đóng góp của cộng đồng. Thực hiện kịp thời, hiệu quả công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

8. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tạo sự đồng thuận trong xã hội

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Luật Báo chí năm 2016, Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan. Các cơ quan, ban, ngành chủ động cung cấp thông tin cho báo chí, đồng thời đề nghị các cơ quan báo chí phản hồi lại thông tin và cải chính trên báo chí các thông tin sai sự thật, chưa đúng bản chất sự việc, gây tác động xấu trong xã hội. Đẩy mạnh hoạt động thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại trong tình hình mới.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương và cơ quan báo chí thường trú trên địa bàn; phòng Văn hóa thông tin, Đài phát thanh truyền hình các huyện, thị xã, thành phố tập trung tuyên truyền đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng của địa phương.

- Các ngành, địa phương, đơn vị tăng cường tiếp xúc, đối thoại, trao đổi, tiếp nhận thông tin phản hồi về các cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, làm tốt công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước góp phần tạo đồng thuận xã hội.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào Kế hoạch hành động này và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai nhiệm vụ năm 2019; Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao thống nhất quán triệt phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực đã làm được trong năm 2018, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh hơn, thiết thực hơn và toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra; trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

1.1. Trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch hành động của tỉnh và Phụ lục kèm theo, trong tháng 01/2019 phải xây dựng các văn bản cụ thể triển khai thực hiện, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện báo cáo UBND tỉnh

1.2. Chỉ đạo điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và Kế hoạch hành động của UBND tỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện trong các lĩnh vực, địa bàn và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; tổ chức giao ban hàng tháng/quý kiểm điểm tình hình thực hiện Kế hoạch hành động này, chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp nhằm xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh.

1.4. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động hàng quý, gửi Văn phòng UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 12 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại các phiên họp thường kỳ của quý.

1.5. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh trong năm 2020, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 05 tháng 11 năm 2019 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tại phiên họp UBND tỉnh tháng 11 năm 2019.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động này tại các phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh, kịp thời báo cáo UBND tỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng Kế hoạch hành động của tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 đến các ngành, các cấp và nhân dân trên địa bàn; đồng thời thông tin, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện.

4. UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức, hội, đoàn thể tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và các giải pháp điều hành của UBND tỉnh tại Kế hoạch này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Võ Ngọc Thành



Phụ lục 1

**PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
MÔI TRƯỜNG NĂM 2019**

(ban hành kèm theo quyết định số 56 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu phấn đấu năm 2019
	Cục Thống kê tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh GRDP (giá so sánh 2010)	%	8,1-8,2
2	Cơ cấu tổng sản phẩm GRDP (giá hiện hành)		
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	49,78-49,83
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh	Tỷ đồng	26.000
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
1	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (số lũy kế)	Xã	71
2	Tỷ lệ diện tích che phủ rừng (kể cả cây cao su)	%	46,45
-	Diện tích trồng rừng mới	Ha	5.015
	Sở Công Thương		
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	68.300
2	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD	500
3	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,5
	Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum		
1	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	5.000
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
1	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,2
2	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	25.200
3	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	52

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu phấn đấu năm 2019
4	Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	7,04
-	Mức giảm tỷ lệ nghèo	%	3,0
-	Mức giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	%	6,25
-	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đối với các huyện nghèo	%	6,00
	Sở Giáo dục và Đào tạo		
1	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	88,50
2	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi trung học cơ sở	%	90,00
3	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	42
	Sở Y tế		
1	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	26,8
2	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	7,7
3	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	83
	Bảo hiểm xã hội tỉnh		
1	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	89,0
	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng		
1	Tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch	%	99
2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93,8
3	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	93,5

Phụ lục II

GÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Tăng cường ổn định và phát triển kinh tế, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của kinh tế tỉnh			
1.	Dự thảo Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết 01/NQ chính phủ ngày 01/01/2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	01/2019
2.	Dự thảo Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	01/2019
3.	Dự toán thu, chi ngân sách năm 2020	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Công văn số 2412/STC-VP ngày 08/11/2018
4.	Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2019	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Công văn số 2412/STC-VP ngày 08/11/2018
5.	Ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
6.	Triển khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 các đơn vị dự toán cấp tỉnh và cấp huyện	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2019
7.	Tổng hợp chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019	Sở Tài chính	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2019
8.	Tổng hợp tài liệu Kiểm toán nhà nước năm 2018	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý II/2019
9.	Quyết toán thu, chi năm 2018	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	9/2019
10.	Quy định cụ thể các mức chi cụ thể tiếp khách trong nước theo quy định tại Thông tư 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính V/v quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.	Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	4/2019
11.	Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND huyện Đức cơ	10/2019
12.	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo Luật Quy hoạch năm 2017.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019



STT Đã		Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
13.		Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2019; xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
14.		Báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
15.		Xây dựng các giải pháp cụ thể về thu ngân sách nhà nước năm 2019	Sở Tài chính	Cục thuế tỉnh	Quý I/2019
16.		Xây dựng kịch bản tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2019 theo giá so sánh 2010	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành liên quan	Tháng 1/2019
II		Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các đột phá chiến lược và đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của kinh tế tỉnh.			
17.		Xây dựng Chương trình hành động triển khai công tác xúc tiến đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
18.		Báo cáo tình hình Đầu tư công năm 2019; xây dựng kế hoạch Đầu tư công năm 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
19.		Báo cáo đánh giá kế hoạch Đầu tư công giai đoạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch Đầu tư công giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
20.	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, thị UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
21.	Kế hoạch gấp mặt doanh nghiệp năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2019 và Quý III/2019
22.	Báo cáo tình hình kinh tế xã hội hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng Chương trình công tác tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Theo định kỳ
23.	Báo cáo tình hình xây dựng cơ bản quý, 6 tháng, 9 tháng, cả năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Theo định kỳ
24.	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	10/2019
25.	Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4, BCH Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	11/2019
26.	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2019



Nội dung công việc

Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách trung ương và nhiệm vụ thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2019
28.	Chương trình phát triển đô thị tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2035	Sở Xây dựng	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý II/2019
29.	Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh 05 năm và hàng năm trên địa bàn tỉnh trên cơ sở Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Gia Lai giai đoạn năm 2018 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 đã được phê duyệt tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh. (Kế hoạch phát triển nhà ở cho cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh năm 2019)	Sở Xây dựng	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý III/2019
30.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chống lấn chiếm, tái lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ trên các quốc lộ, đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	6/2019
31.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 83/2006/QĐ-UBND ngày 19/10/2006 của UBND tỉnh về ban hành một số quy định về một số biện pháp cụ thể và trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 95/2007/QĐ-UBND ngày 23/10/2007 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 83/2006/QĐ-UBND.	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ngành; các huyện, thị xã, thành phố	6/2019
32.	Đôn đốc Tổng Công ty Điện lực miền Trung sớm đầu tư các đường dây và trạm biến áp 110 KV theo quy hoạch được phê duyệt.	Sở Công Thương	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
33.	Kế hoạch xúc tiến đầu tư năm 2019	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan	02/2019
34.	Kế hoạch phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020 và đến năm 2025	Sở Công Thương	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, NN&PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố	6/2019
35.	Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo giai đoạn 2016-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tiếp tục thực hiện năm 2019
36.	Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	12/2019
37.	Tổng kết phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đến năm 2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Liên minh HTX tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý III/2019
38.	Kế hoạch phát triển du lịch năm 2019.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
39.	Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước ngày 10/5/2019



Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
41.	Kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho một số cây trồng cận chủ lực trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2020	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	01/2019
42.	Đề án phát triển một số cây trồng chủ lực đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 (cà phê, hồ tiêu, cao su, sắn, cây ăn quả)	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các Sở: TN&MT, KH&ĐT, KH&CN, Công Thương	Quý I/2019
43.	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc thu, chi quản lý sử dụng phí bình tuyến thăm định cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đối với cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	Quý I/2019
44.	Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc hỗ trợ khôi phục sản xuất khi cây trồng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh khi chưa đủ điều kiện công bố dịch	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	Quý I/2019
45.	Ban hành các chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán và sử dụng phân bón địa bàn quản lý	Sở Nông nghiệp & PTNT	Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	Khi có hướng dẫn của Bộ NN&PTNT
46.	Ban hành cơ chế chính sách quy định mức chi và bổ trí nguồn vốn từ ngân sách hàng năm để hỗ trợ đầu tư phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	4/2019
47.	Phê duyệt các dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản sau khi được thẩm định	Sở Nông nghiệp & PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
48.	Giao đất tại khu công nghiệp Nam Pleiku để triển khai quy hoạch	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	Sở TN&MT; UBND huyện Chư Sê, UBND huyện Chư Prông	Quý I/2019
49.	Triển khai nhiệm vụ được giao tại kế hoạch kèm theo Tờ trình số 153/TT-Tr-SNNPTNT ngày 31/10/2018 của Sở NN&PTNT về việc đề nghị ban hành kế hoạch thi hành hệ thống luật pháp về thủy lợi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019 và những năm tiếp theo
50.	Kế hoạch hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, địa phương liên quan	8/2019
51.	Kế hoạch triển khai Đề án hỗ trợ thôn, làng tại các xã khó khăn khu vực biên giới tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện: Đức Cơ, Chư Prông, Ia Grai	8/2019
52.	Xây dựng kế hoạch năm 2020 chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vay vốn WB tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các thành viên ban điều phối chương trình	7/2019
53.	Triển khai nhiệm vụ tại điểm 1, Mục II Kế hoạch số 1889/KH-UBND ngày 27/8/2018 của UBND tỉnh Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thực hiện hàng năm
54.	Triển khai nhiệm vụ được giao tại kế hoạch thực hiện chỉ thị số 22/CT-TTG ngày 07/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thực hiện hàng năm



Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật và thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	7/2019
Đề án giao đất, giao rừng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2023	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính, Sở KH&ĐT, Sở TN&MT	Năm 2019 và những năm tiếp theo
Xây dựng kế hoạch hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 huyện Kbang	Sở NN và PTNT	Các sở, ngành, UBND huyện Kbang	01/2019
Đề án chương trình mới xã một sản phẩm tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	01/2019
Dự thảo Nghị quyết Tỉnh ủy về bảo tồn và phát triển cây được liệt trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Dự thảo Nghị quyết Tỉnh ủy về phát triển rau, hoa, quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành	02/2019
Tăng cường quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trong tình hình biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
Xây dựng cơ chế đặc thù để hỗ trợ thu hút đầu tư vào khu Lâm nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
Kiểm tra, đôn đốc các chủ đập thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định về an toàn đập theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
63.	Kế hoạch triển khai Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	4/2019
64.	Xây dựng Đề án về chính sách hỗ trợ HTTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai trên cơ sở triển khai Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2019
65.	Hoàn chỉnh kế hoạch phát triển du lịch của 4 huyện phía Đông của tỉnh (Kông Chro, An Khê, Kbang, Đăk Pơ)	Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	01/2019
66.	Quy định chính sách hỗ trợ về hoạt động xúc tiến du lịch, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	01/2019
67.	Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	01/2019
68.	Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh”	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	3/2019
69.	Kế hoạch triển khai Đề án số hóa truyền hình mặt đất tại tỉnh Gia Lai	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2/2019



Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
III	Phát triển toàn diện, hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân			
71.	Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	7/2019
72.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	4/2019
73.	Kế hoạch triển khai dạy 02 buổi/ngày đối với cấp Tiểu học và THCS trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; các huyện, thị xã, thành phố	6/2019
74.	Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Gia Lai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	11/2019
75.	Kế hoạch triển khai Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, Tp	Quý I/2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
76.	Đề án hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
77.	Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2019 của UBND tỉnh	Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	3/2019
78.	Kế hoạch tổ chức tháng hành động về an toàn vệ sinh an toàn về lao động năm 2019	Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	3/2019
79.	Kế hoạch triển khai tháng hành động vì Trẻ em năm 2019	Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	4/2019
80.	Kế hoạch tổ chức: Lễ viếng, lễ truy điệu và lễ an táng các liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Campuchia về an nghỉ tại nghĩa trang liệt sĩ Đức Cơ	Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, Tp	4/2019
81.	Triển khai “Tháng hành động vì người cao tuổi tỉnh Gia Lai” năm 2019	Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	5/2019
82.	Kế hoạch triển khai điều tra cung cầu lao động năm 2019	Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	5/2019

STT		Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
				Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	6/2019
83.	Kế hoạch tổ chức kỷ niệm 72 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ			Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	9/2019
84.	Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình trên cơ sở giới			Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	11/2019
85.	Kế hoạch tổ chức các hoạt động Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020			Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2019
86.	Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019			Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	4/2019
87.	Kế hoạch triển khai thực hiện đề án tăng cường kiểm soát kê đơn và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020			Sở Y tế	Hội Y, Dược học tỉnh Gia Lai	11/2019
88.	Thẩm định chuẩn quốc gia về y tế xã			Sở Y tế	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	01/2019
89.	Kế hoạch tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính của Bệnh viện 331, Bệnh viện Nhi			Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, TP	10/2019
90.	Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai có sử dụng ngân sách nhà nước			Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, TP	1/2019
91.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên năm 2019			Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, TP	1/2019

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
			xã, thành phố	
92.	Chỉ thị về thi THPT quốc gia năm 2019	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	5/2019
93.	Chỉ thị về nhiệm vụ năm học 2019-2020 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tỉnh Gia Lai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	8/2019
94.	Kết quả thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 12/4/2017 của Tỉnh ủy về giảm nghèo nhanh và bền vững tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	10/02/2019
95.	Kế hoạch tư chủ nhân sự của Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan.	6/2019
96.	Kế hoạch thực hiện Thông tư số 37/2018/TT-BYT quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám chữa bệnh trong một số trường hợp.	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan.	7/2019
97.	Bổ sung danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2019	Ban Dân tộc tỉnh	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	1/2019
98.	Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025”	Ban Dân tộc tỉnh	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2018-2025



Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
Chương trình phối hợp với một tỉnh ở nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc) để đưa lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài.		Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
100.	Tổng kết báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.	Sở Lao động – Thương binh & XH	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
101.	Đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025	Ban Dân tộc	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019-2020
IV Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu				
102.	Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	3/2019
103.	Rà soát danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất theo khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng phát sinh trong năm 2019	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	5/2019
104.	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 10/2019 theo công văn 3696/STNMT-VP ngày 18/12/2018

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
105.	Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2020 quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 10/2019
106.	Danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất rừng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 10/2019
107.	Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12/2019
108.	Xây dựng Bảng giá đất năm 2020-2024	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 11/2019
109.	Phương án kiểm kê đất đai năm 2019, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của các cấp hành chính tỉnh Gia Lai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	7/2019
110.	Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	6/2019
111.	Kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	12/2019
112.	Kế hoạch đầu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2019	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã	Quý I/2019

Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
113.	Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường giai đoạn 2020-2024, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11/2019
114.	Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Y tế	10/2019
115.	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành; các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị chủ rừng	7/2019
116.	Ban hành quy định hệ số K thành phần để làm cơ sở xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	4/2019
117.	Đề án về biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
118.	Đề án nâng cao năng lực về phòng chống thiên tai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan	4/2019
V	Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí			
119.	Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ	3/2019



STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
120.	Ban hành quy định và tiêu chí đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương trong chỉ đạo triển khai và thực thi công vụ.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý I/2019
121.	Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh năm 2019	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	01/2019
122.	Sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện theo Quy định của Chính phủ.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
123.	Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Pleiku và huyện Chư Păh.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	4/2019
124.	Kế hoạch thực hiện chương trình phối hợp giữa Ban cán sự đảng UBND tỉnh và Ban Dân vận Tỉnh ủy về thực hiện “Năm Dân vận chính quyền” - 2019	Sở Nội vụ	Ban Dân vận Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh	01/2019
125.	Kế hoạch triển khai công tác pháp chế và công tác văn bản quy phạm năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Sở Tư pháp	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	12/2019
VI	Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, cứu hộ, cứu nạn; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại hội nhập quốc tế.			
126.	Diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2019	Bộ Chỉ huy	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị	Quý II/2019



Nội dung công việc		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
		Quản sự tỉnh	xã, thành phố	
	127. Thực khai, giải quyết quốc tịch, hộ tịch cho người di cư tự do từ Campuchia về cư trú trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tư Pháp	Sở Tư pháp	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019
128.	Xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng	Sở Tư pháp	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	11/2019
129.	Chương trình quảng bá địa phương tại Nhật Bản	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành	3/2019
130.	Tham gia Chương trình quảng bá địa phương tại Mỹ do Bộ Ngoại giao tổ chức	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	5/2019
131.	Chương trình quảng bá địa phương tại Hàn Quốc	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 8/2019
132.	Xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử gắn với việc tổ chức thực hiện Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020.	CA tỉnh, Sở Tư pháp	Các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019 và những năm tiếp theo

(Signature)

